

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

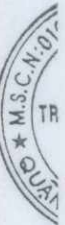
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thế Hường	Chủ tịch
Ông Phan Từ Giang	Thành viên
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lưu Tâm	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

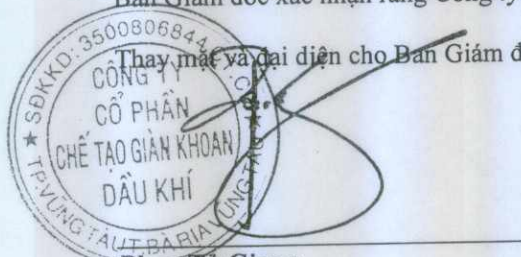
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *HT*



Phan Từ Giang

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2015

Số: 275 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 02 năm 2015, từ trang 3 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 12 tháng 02 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.728.208.585.237	928.561.331.650
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.013.571.500.908	766.437.653.703
1. Tiền	111		721.151.500.908	416.437.653.703
2. Các khoản tương đương tiền	112		292.420.000.000	350.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		484.007.395.690	131.503.276.742
1. Phải thu khách hàng	131	6	46.347.231.689	65.774.695.500
2. Trả trước cho người bán	132		396.659.688.842	10.492.477.918
3. Các khoản phải thu khác	135	7	41.000.475.159	55.236.103.324
III. Hàng tồn kho	140		188.153.143.116	22.083.725.267
1. Hàng tồn kho	141	8	188.153.143.116	22.083.725.267
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.476.545.523	8.536.675.938
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.613.051.540	2.130.564.692
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	178.123.270
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		147.797.706	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		39.715.696.277	6.227.987.976
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260)	200		825.445.756.432	950.537.151.063
I. Tài sản cố định	220		685.157.113.358	801.339.444.069
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	675.500.162.632	791.955.282.495
- Nguyên giá	222		1.270.600.105.749	1.244.096.834.951
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(595.099.943.117)	(452.141.552.456)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	5.566.979.476	5.692.882.799
- Nguyên giá	228		41.132.298.145	35.269.773.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.565.318.669)	(29.576.890.346)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	4.089.971.250	3.691.278.775
II. Tài sản dài hạn khác	260		140.288.643.074	149.197.706.994
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	134.951.849.527	140.920.546.912
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	5.336.793.547	8.277.160.082
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.553.654.341.669	1.879.098.482.713

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.129.411.040.597	1.470.877.287.628
I. Nợ ngắn hạn	310		1.465.422.849.300	811.228.838.531
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	497.272.490.713	164.912.000.000
2. Phải trả người bán	312		113.841.943.911	83.715.817.781
3. Người mua trả tiền trước	313	15	257.973.182.775	491.829.894.134
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	33.216.442.758	381.942.127
5. Phải trả người lao động	315		10.374.113.848	7.822.477.309
6. Chi phí phải trả	316	17	70.566.600.192	32.259.449.224
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	18	418.116.435.521	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	61.294.069.986	26.870.198.360
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.767.569.596	3.437.059.596
II. Nợ dài hạn	330		663.988.191.297	659.648.449.097
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	663.988.191.297	659.648.449.097
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		424.243.301.072	408.221.195.085
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	421.776.250.374	401.578.584.390
1. Vốn điều lệ	411		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lỗ lũy kế	420		(175.719.341.089)	(195.917.007.073)
II. Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		2.467.050.698	6.642.610.695
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		913.634.286	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		1.553.416.412	6.642.610.695
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.553.654.341.669	1.879.098.482.713

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/12/2014

31/12/2013

1. Ngoại tệ các loại
 Đô la Mỹ
 Đồng Euro

5.874.764,96
 7.486,92

Nguyễn Phương Hương
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang
 Kế toán trưởng



Phan Tử Giang
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014		2013	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	1.049.107.123.771		265.633.986.095	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ	02	23	1.654.801.189		-	
3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.047.452.322.582		265.633.986.095	
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	24	930.865.472.903		252.562.243.984	
5. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		116.586.849.679		13.071.742.111	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	15.962.783.798		17.909.077.645	
7. Chi phí tài chính	22	27	67.759.911.126		79.180.517.640	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.192.729.343		75.468.583.598	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.737.604.659		31.326.745.847	
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		35.052.117.692		(79.526.443.731)	
10. Thu nhập khác	31		4.364.705.320		1.783.580.202	
11. Chi phí khác	32		16.278.790.493		128.656.046.107	
12. Lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40	28	(11.914.085.173)		(126.872.465.905)	
13. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50=30+40)	50		23.138.032.519		(206.398.909.636)	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-		10.662.149.275	
15. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	2.940.366.535		(7.925.865.278)	
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế (60=50-51-52)	60		20.197.665.984		(209.135.193.633)	
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	30	340		(3.515)	


Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng


Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</i>	01	23.138.032.519	(206.398.909.636)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	143.857.624.701	145.702.649.391
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.376.643.134	(4.174.223.336)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.193.583.969)	(7.385.952.245)
Chi phí lãi vay	06	62.192.729.343	75.468.583.598
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	220.371.445.728	3.212.147.772
Thay đổi các khoản phải thu	09	(352.469.138.672)	180.777.174.637
Thay đổi hàng tồn kho	10	(180.406.508.756)	74.178.156
Thay đổi các khoản phải trả	11	280.024.409.614	492.271.964.929
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.486.210.537	1.129.916.699
Tiền lãi vay đã trả	13	(24.460.375.322)	(118.973.785.362)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(17.140.796.863)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	913.634.286	3.728.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(34.157.198.301)	(2.745.232.055)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(84.697.520.886)	542.333.567.913
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(14.866.396.239)	(2.312.183.190)
2. Thu lãi tiền gửi	27	11.193.583.969	12.054.659.654
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(3.672.812.270)	9.742.476.464
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	360.905.027.704	40.310.452.065
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(24.384.852.704)	(40.310.452.065)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(1.372.455.300)	(21.932.208.684)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	335.147.719.700	(21.932.208.684)
<i>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	246.777.386.544	530.143.835.693
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	766.437.653.703	236.580.775.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	356.460.661	(286.957.881)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.013.571.500.908	766.437.653.703


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN


Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 3.561.001.127 đồng (năm 2013: 0 đồng), là số tiền mua tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 60.794.154.777 đồng (năm 2013: 23.061.800.756 đồng) là chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.



Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 02 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 719 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 725 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thùy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014 Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Tài sản khác	3

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ dụng cụ được chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do có nguyên giá dưới 30 triệu đồng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	3.054.338.539	6.927.001.142
Tiền gửi ngân hàng	718.097.162.369	409.510.652.561
Các khoản tương đương tiền (*)	292.420.000.000	350.000.000.000
	<u>1.013.571.500.908</u>	<u>766.437.653.703</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu với lãi suất đồng Đô la Mỹ là 0,25%/năm và Đồng Việt Nam là 5,1%/năm (2013: lãi suất Đồng Việt Nam là từ 5,8%/năm đến 6,2%/năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	37.434.060.682	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Semco Việt Nam	254.826.000	39.898.247.751
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	-	16.407.583.214
Khách hàng khác	8.658.345.007	9.468.864.535
	<u>46.347.231.689</u>	<u>65.774.695.500</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - Chi nhánh Vũng Tàu (*)	20.993.569.199	49.753.235.033
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (**)	16.172.060.520	-
Phải thu khác	3.834.845.440	5.482.868.291
	<u>41.000.475.159</u>	<u>55.236.103.324</u>

(*) Khoản phải thu Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (“PVI”) - Chi nhánh Vũng Tàu chủ yếu liên quan đến các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra cho việc sửa chữa tài sản cố định là cầu bánh xích DEMAG CC6800. Công ty sẽ thu hồi lại khoản chi này từ PVI theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 12/16/01/XDLD/PC00057 với số tiền bảo hiểm cho tài sản này tối đa là 230.968.860.174 đồng, bằng với nguyên giá của tài sản được bảo hiểm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và PVI chưa thống nhất số tiền bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, theo hợp đồng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm sẽ được khấu trừ mức miễn trừ được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm (5%). Theo như báo cáo bồi thường bảo hiểm ngày 03 tháng 02 năm 2015, tổng chi phí sẽ được PVI chấp nhận là 114,7 tỷ đồng, sau khi trừ đi khoản miễn giảm bồi thường 5,7 tỷ đồng, khoản PVI chấp nhận bồi thường là 109 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã nhận được tổng cộng 88 tỷ đồng tiền tạm ứng bồi thường từ PVI. Khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền 20.993.569.199 đồng là khoản còn phải thu từ PVI theo báo cáo ngày 03 tháng 02 năm 2015.

(**) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (“PSI”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản cổ tức Công ty đã chuyển cho PSI nhưng PSI chưa thanh toán cho các cổ đông của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng đi đường	13.525.927.987	-
Nguyên liệu, vật liệu	167.267.280.981	16.220.424.565
Công cụ và dụng cụ	7.359.934.148	5.291.045.287
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	572.255.415
	<u><u>188.153.143.116</u></u>	<u><u>22.083.725.267</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2014	737.423.602.480	108.622.692.961	377.762.806.033	8.299.917.097	3.850.699.617	8.137.116.763	1.244.096.834.951
Tăng trong năm	-	5.919.495.673	816.922.204	965.442.314	-	125.000.000	7.826.860.191
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	18.676.410.607	-	-	-	18.676.410.607
Tại ngày 31/12/2014	<u>737.423.602.480</u>	<u>114.542.188.634</u>	<u>397.256.138.844</u>	<u>9.265.359.411</u>	<u>3.850.699.617</u>	<u>8.262.116.763</u>	<u>1.270.600.105.749</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2014	263.812.982.740	52.495.707.626	119.517.666.045	7.075.804.296	2.485.585.837	6.753.805.912	452.141.552.456
Khấu hao trong năm	91.488.700.712	15.715.880.926	32.610.161.884	972.502.073	770.817.526	1.400.327.540	142.958.390.661
Tại ngày 31/12/2014	<u>355.301.683.452</u>	<u>68.211.588.552</u>	<u>152.127.827.929</u>	<u>8.048.306.369</u>	<u>3.256.403.363</u>	<u>8.154.133.452</u>	<u>595.099.943.117</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2014	<u>382.121.919.028</u>	<u>46.330.600.082</u>	<u>245.128.310.915</u>	<u>1.217.053.042</u>	<u>594.296.254</u>	<u>107.983.311</u>	<u>675.500.162.632</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>473.610.619.740</u>	<u>56.126.985.335</u>	<u>258.245.139.988</u>	<u>1.224.112.801</u>	<u>1.365.113.780</u>	<u>1.383.310.851</u>	<u>791.955.282.495</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 21.273.489.965 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20.676.761.074 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND	Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	12.104.018.935	23.165.754.210	35.269.773.145
Tăng trong năm	462.525.000	-	462.525.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.400.000.000	-	5.400.000.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>17.966.543.935</u>	<u>23.165.754.210</u>	<u>41.132.298.145</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	11.688.633.051	17.888.257.295	29.576.890.346
Khấu hao trong năm	1.670.051.566	4.318.376.757	5.988.428.323
Tại ngày 31/12/2014	<u>13.358.684.617</u>	<u>22.206.634.052</u>	<u>35.565.318.669</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>4.607.859.318</u>	<u>959.120.158</u>	<u>5.566.979.476</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>415.385.884</u>	<u>5.277.496.915</u>	<u>5.692.882.799</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 28.880.566.575 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.544.802.150 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	2014 VND	2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.691.278.775	24.044.565.109
Tăng trong năm	24.475.103.082	1.862.212.280
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(18.676.410.607)	(16.963.457.872)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(5.400.000.000)	-
Kết chuyển sang chi phí khác	-	(5.252.040.742)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>4.089.971.250</u>	<u>3.691.278.775</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền thuê đất (*)	128.813.572.156	132.506.959.411
Công cụ, dụng cụ	1.647.293.921	3.844.519.402
Khác	4.490.983.450	4.569.068.099
	<u>134.951.849.527</u>	<u>140.920.546.912</u>

(*) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 39,8 ha theo Hợp đồng thuê số CN0107001/HDKT -PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2007 đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Các khoản lỗ tính thuế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	351.294.804	-	351.294.804
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(274.568.421)	8.200.433.699	7.925.865.278
Tại ngày 31/12/2013	76.726.383	8.200.433.699	8.277.160.082
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(88.652.548)	(2.851.713.987)	(2.940.366.535)
Tại ngày 31/12/2014	(11.926.165)	5.348.719.712	5.336.793.547

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 142.881.533.738 đồng (năm 2013: 183.860.577.202 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Trong đó:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế 53.487.197.117 đồng với mức thuế suất 10% vì Công ty tin tưởng khả năng có lợi nhuận trong tương lai để có thể khấu trừ cho khoản lỗ này. Khoản lợi nhuận dự kiến phát sinh từ dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05.

Công ty không ghi nhận thuế hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế từ hoạt động khác là 94.947.664.689 đồng vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian 5 năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	336.700.232.913	-
Nợ dài hạn tới hạn phải trả (Thuyết minh số 20)	160.572.257.800	164.912.000.000
	497.272.490.713	164.912.000.000

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu đáo hạn trong vòng 6 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 65/2014 ngày 26 tháng 9 năm 2014 với hạn mức tín dụng tương đương 750.000.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán LC để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký.

Trong tháng 11 năm 2014, Công ty ký hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Đại Dương với tổng hạn mức 29.000.000 Đô la Mỹ. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán LC phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hợp đồng tín dụng này vẫn chưa được giải ngân. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty cũng ký hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam số 01/2014 ngày 04 tháng 7 năm 2014, và Hợp đồng số 02/2014 ngày 04 tháng 7 năm 2014 với hạn mức tín dụng của mỗi hợp đồng là 500.000.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các hợp đồng tín dụng này vẫn chưa được giải ngân, các hợp đồng này có hiệu lực tới ngày 30 tháng 6 năm 2015.

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Trong năm 2013, Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro ("Vietsovetro") tạm ứng 10% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận trên Hợp đồng số 885/13/T-N4/KB-PVShipyards ngày 29 tháng 11 năm 2013 liên quan đến dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05 được ký kết giữa Công ty và Vietsovetro. Khoản tạm ứng này được cần trừ dần vào các lần thanh toán kế tiếp theo quy định cụ thể trên hợp đồng. Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện số tiền tạm ứng còn lại của Vietsovetro chưa được cần trừ.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	31.015.055.792	-
Thuế thu nhập cá nhân	474.430.936	301.270.523
Thuế khác	1.726.956.030	80.671.604
	<u><u>33.216.442.758</u></u>	<u><u>381.942.127</u></u>

Tình hình tăng giảm các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2014 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	100.982.866.570	69.967.810.778	31.015.055.792
Thuế nhập khẩu	-	9.911.354.961	9.911.354.961	-
Thuế thu nhập cá nhân	301.270.523	7.068.497.741	6.895.337.328	474.430.936
Các loại thuế khác	80.671.604	16.239.599.419	14.593.314.993	1.726.956.030
Tổng	<u><u>381.942.127</u></u>	<u><u>134.202.318.691</u></u>	<u><u>101.367.818.060</u></u>	<u><u>33.216.442.758</u></u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	60.794.154.777	23.061.800.756
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2 và EPC3)	7.018.078.517	7.018.078.517
Chi phí khác	2.754.366.898	2.179.569.951
	<u><u>70.566.600.192</u></u>	<u><u>32.259.449.224</u></u>

18. PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng thể hiện khoản chênh lệch giữa khoản tiền Vietsovetro đã thanh toán cho dự án xây dựng giàn Tam Đảo 05 theo tiến độ thanh toán quy định trong Hợp đồng số 0885/13/T-N4/KB-PVShipyards ngày 29 tháng 11 năm 2013 với doanh thu đã ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành cho dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả cổ tức	20.473.674.200	21.846.129.500
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (*)	35.016.871.164	-
Phải trả khác	5.803.524.622	5.024.068.860
	<u><u>61.294.069.986</u></u>	<u><u>26.870.198.360</u></u>

(*) Phải trả Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam là khoản hoàn thuế nhập khẩu cho dự án Tam Đảo 03. Cụ thể, khi thực hiện dự án Tam Đảo 03 cho Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty đã tiến hành nộp thuế nhập khẩu cho các thiết bị máy móc phục vụ dự án. Tuy nhiên, trong năm 2014 Công ty đã nhận được quyết định miễn và hoàn lại thuế đối với dự án này. Do đó, khoản tiền nhận được được ghi nhận như là một khoản phải trả cho Tập đoàn.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD. Khoản vay này là khoản vay tín chấp và đã được giải ngân hết trong năm 2011.

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng trong năm 2011 và 30.363.179.097 đồng trong năm 2012.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVcomBank đã ký hai Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV T.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VietcomBank") tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Căn cứ theo Nghị quyết của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ngày 05 tháng 12 năm 2014, khoản vay của hai hợp đồng tín dụng trên sẽ được ân hạn trả nợ gốc tới hết năm 2013. Cụ thể, khoản nợ đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được trả vào năm 2015, khoản nợ gốc còn lại sẽ được trả trong 19 kỳ (6 tháng một lần) bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2015 tới ngày 30 tháng 6 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	160.572.257.800	164.912.000.000
Trong năm thứ hai	78.116.257.800	164.912.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	234.348.773.400	494.736.449.097
Sau năm năm	351.523.160.097	-
	<u>824.560.449.097</u>	<u>824.560.449.097</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại Thuyết minh số 14)	<u>(160.572.257.800)</u>	<u>(164.912.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>663.988.191.297</u>	<u>659.648.449.097</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Vốn khác của chủ sở hữu <u>VND</u>	Lỗi lũy kế <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2013	594.897.870.000	2.597.721.463	43.861.904.638	641.357.496.101
Lỗi trong năm	-	-	(209.135.193.633)	(209.135.193.633)
Chia cổ tức	-	-	(29.744.893.500)	(29.744.893.500)
Trích quỹ	-	-	(898.824.578)	(898.824.578)
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>(195.917.007.073)</u>	<u>401.578.584.390</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	20.197.665.984	20.197.665.984
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>(175.719.341.089)</u>	<u>421.776.250.374</u>

Cổ phần

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>59.489.787</u>	<u>59.489.787</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 và 31/12/2013		
	%	Số cổ phần	Vốn đã góp (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643	171.056.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257	44.792.570.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3,63	2.161.300	21.613.000.000
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần LILAMA 18	3,03	1.800.000	18.000.000.000
Các cổ đông khác	49,00	29.143.587	291.435.870.000
	100	59.489.787	594.897.870.000

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong năm hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan	973.304.785.279	33.280.628.934
Hợp đồng sửa chữa khác	65.952.245.974	223.085.211.287
Dịch vụ khác	9.850.092.518	9.268.145.874
	<u>1.049.107.123.771</u>	<u>265.633.986.095</u>
Giảm trừ doanh thu - Giảm giá dịch vụ cung cấp	(1.654.801.189)	-
	<u>1.047.452.322.582</u>	<u>265.633.986.095</u>

24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan	886.962.606.436	42.731.320.582
Hợp đồng sửa chữa khác	43.255.153.376	204.396.874.631
Dịch vụ khác	647.713.091	5.434.048.771
	<u>930.865.472.903</u>	<u>252.562.243.984</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	369.117.582.926	47.395.088.010
Chi phí nhân công	176.415.084.913	98.695.762.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.857.624.701	145.702.649.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.174.445.332	105.672.069.477
Chi phí khác	30.641.714.385	7.761.609.101
	<u>977.206.452.257</u>	<u>405.227.178.628</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	11.193.583.969	12.637.992.987
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.769.199.829	1.096.861.322
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.174.223.336
	<u>15.962.783.798</u>	<u>17.909.077.645</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	62.192.729.343	75.468.583.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.190.538.649	3.711.934.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.376.643.134	-
	<u>67.759.911.126</u>	<u>79.180.517.640</u>

28. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập khác	4.364.705.320	1.783.580.202
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	1.009.091	5.252.040.742
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.575.518	1.923.125.067
Chi phí nhân công	-	32.370.061.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.698.962.004	80.879.463.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.001.689.911	5.593.282.740
Chi phí khác	4.558.553.969	2.638.071.982
Chi phí khác	<u>16.278.790.493</u>	<u>128.656.046.107</u>
Lỗ khác	<u>(11.914.085.173)</u>	<u>(126.872.465.905)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	23.138.032.519	(206.398.909.636)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	12.648.798.250	25.514.620.920
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(361.115.373)	(2.976.288.486)
Thu nhập/(lỗ) chịu thuế	35.425.715.396	(183.860.577.202)
Thu nhập/(lỗ) chịu thuế suất 10%	28.517.139.877	(82.004.336.994)
Thu nhập/(lỗ) chịu thuế suất thông thường	6.908.575.519	(101.856.240.208)
Lỗ năm trước mang sang		
Lỗ chịu thuế suất 10%	(28.517.139.877)	-
Lỗ chịu thuế suất thông thường	(6.908.575.519)	-
Thu nhập/(lỗ) chịu thuế đã điều chỉnh	-	(183.860.577.202)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ năm 2008 đến năm 2012	-	10.662.149.275
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	10.662.149.275

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất thông thường cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất thông thường theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.

- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường trên lợi nhuận tính thuế của Công ty.

Trong năm, Công ty không trích thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty không có thu nhập tính thuế.

30. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.197.665.984	(209.135.193.633)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59.489.787	59.489.787
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	340	(3.515)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, vốn khác của chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	1.161.260.682.010	824.560.449.097
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.013.571.500.908	766.437.653.703
Nợ thuần	147.689.181.102	58.122.795.394
Vốn chủ sở hữu	421.776.250.374	401.578.584.390
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u><u>0,35</u></u>	<u><u>0,14</u></u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.013.571.500.908	766.437.653.703
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.347.706.848	121.010.798.824
Ký quỹ	36.591.902.968	2.646.168.490
Tổng cộng	<u><u>1.137.511.110.724</u></u>	<u><u>890.094.621.017</u></u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	174.673.911.655	109.824.210.616
Các khoản vay	1.161.260.682.010	824.560.449.097
Chi phí phải trả	70.566.600.192	32.259.449.224
Tổng cộng	<u><u>1.406.501.193.857</u></u>	<u><u>966.644.108.937</u></u>

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế, Do đó, Công ty chưa thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	616.937.592.568	131.001.541.592	-	2.060.632.841
Đồng Euro (EUR)	20.550.249.936	213.145.724	-	45.979.180.390

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2014		2013	
	Tăng 2%	Giảm 2%	Tăng 2%	Giảm 2%
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	12.338.751.851	(12.338.751.851)	2.578.818.175	(2.578.818.175)
Đồng Euro (EUR)	411.004.999	(411.004.999)	(915.320.693)	915.320.693

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác có liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

001
C
RÁC
D
/

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.013.571.500.908	-	1.013.571.500.908
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.347.706.848	-	87.347.706.848
Các khoản ký quỹ	36.591.902.968	-	36.591.902.968
Tổng cộng	1.137.511.110.724	-	1.137.511.110.724
Phải trả người bán và phải trả khác	174.673.911.655	-	174.673.911.655
Các khoản vay và lãi	497.272.490.713	663.988.191.297	1.161.260.682.010
Chi phí phải trả	70.566.600.192	-	70.566.600.192
Tổng cộng	742.513.002.560	663.988.191.297	1.406.501.193.857
Chênh lệch thanh khoản thuần	394.998.108.164	(663.988.191.297)	(268.990.083.133)
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	766.437.653.703	-	766.437.653.703
Phải thu khách hàng và phải thu khác	121.010.798.824	-	121.010.798.824
Các khoản ký quỹ	2.646.168.490	-	2.646.168.490
Tổng cộng	890.094.621.017	-	890.094.621.017
Phải trả người bán và phải trả khác	109.824.210.616	-	109.824.210.616
Các khoản vay và lãi	164.912.000.000	659.648.449.097	824.560.449.097
Chi phí phải trả	32.259.449.224	-	32.259.449.224
Tổng cộng	306.995.659.840	659.648.449.097	966.644.108.937
Chênh lệch thanh khoản thuần	583.098.961.177	(659.648.449.097)	(76.549.487.920)

Do khoản nợ tài chính lớn nhất chủ yếu là từ các khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam) với thời hạn trả nợ dài hạn đến năm 2024 và được hoàn trả trên cơ sở dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong các năm sau nên Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản thuần ở mức độ thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	2014 VND	2013 VND
Lương và thưởng	5.004.557.056	3.126.843.982

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Số dư các khoản phải trả cố tức		
Tập đoàn Công Nghiệp tàu thủy Việt Nam	2.239.628.500	2.239.628.500
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	1.080.650.000	1.080.650.000

CHỮNG THỰC DAN SẴU ĐỒNG VỚI BAN CHINH

Số chứng thực 7 6 4 9 quyển số 01/2016-SCT/BS

Ngày: 22-06-2016

Nguyễn Phương Hương
Người lập biểuNguyễn Văn Quang
Kế toán trưởngPhan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 02 năm 2015CÔNG CHỨNG VIÊN
TRẦN VĂN TIẾN